

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THẠNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HS-ST
Ngày: 27-5-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Vĩnh Lâm

Ông Nguyễn Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Tý – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2024 đối với:

Bị cáo: Nguyễn Văn V; Sinh ngày 01/01/1990; Nơi sinh: xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 00/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con của ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1951 và bà Trần Thị C, sinh năm 1960; Vợ, con: Không; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/01/2024, chuyển tạm giam kể từ ngày 25/01/2024 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện T (có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

+ Bà Cao Thị P, sinh năm: 1970. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Ông Lê Thanh P1, sinh năm: 1970. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Lê Thanh D, sinh năm: 1980. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1988. Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Văn P2, sinh năm: 1994. Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 03/2016, Nguyễn Văn V được vợ chồng ông Lê Thanh P1 và bà Cao Thị P thuê chăn giữ vịt (vịt đẻ) chạy đồng của ông P1, bà P. Đến khoảng 08 giờ ngày 15/5/2016, ông P1, bà P kêu Nguyễn Văn V trông giữ vịt chạy đồng cho tại ruộng ở ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An. Trong lúc chăn vịt chạy đồng, V nhìn thấy đàn vịt chạy đồng của ông Lê Thanh D đang chăn thả trên ruộng cách đó khoảng 400 mét nên V nảy sinh ý định trộm cắp vịt của ông P1, bà P bán cho ông D để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau đó, V đến gặp ông D nói với ông D, V là chủ đàn vịt đang cần tiền nên cần bán khoảng 200 con vịt, ông D đồng ý mua, ông D và V thỏa thuận giá mỗi con vịt là 30.000 đồng. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, V lợi dụng lúc ông P1, bà P không có mặt tại nơi chăn thả đàn vịt, V lùa đàn vịt của ông P1, bà P tách ra 238 con vịt và lùa qua đàn vịt của ông D, sau đó V đi về đàn vịt của ông P1, bà P tiếp tục chăn thả vịt. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, V đến gặp ông D để lấy tiền nhưng do không đủ tiền nên ông D đưa trước cho V số tiền 5.000.000 đồng, V đồng ý nhận tiền. Đến ngày 16/5/2016, V điện thoại liên lạc cho Nguyễn Văn Q (anh ruột của V) đến gặp V, V đưa cho anh Q số tiền 5.000.000 đồng nhờ anh Q chuyển cho ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị C (cha, mẹ ruột của V), V nói với Q đây là tiền lương của V. Đến ngày 17/5/2016, ông P1, bà P kiểm đếm đàn vịt thì phát hiện bị mất trộm và nghi ngờ là V trộm cắp đem bán cho người khác nên tố giác V đến Công an. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 nhưng V đã bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định truy nã đối với

Nguyễn Văn V. Đến ngày 22/01/2024, Nguyễn Văn V tự nguyện đến Công an huyện T đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 06/KL-HĐĐG ngày 19/5/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T. Kết luận: 238 con vịt (loại vịt đẻ), tổng trọng lượng 309,4 kg, có giá trị là 19.182.800 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 23/CT-VKSTT, ngày 08/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo đồng thời phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo Nguyễn Văn V gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt chính: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các điều 38, 50 Bộ Luật hình sự năm 2015; Đề nghị xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn V từ 06 tháng đến 01 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự do bị hại đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên không đề cập.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận với Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều phù hợp quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị hại ông Lê Thanh P1 và bà Cao Thị P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Lê Thanh D, anh Nguyễn Văn Q vắng mặt. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn V khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở xác định được: Khoảng 10 giờ ngày 15/5/2016, Nguyễn Văn V lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 238 con vịt (loại vịt đẻ) với tổng trọng lượng 309,4 kg, trị giá 19.182.800 đồng của ông Lê Thanh P1 và bà Cao Thị P tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

[4] Tại thời điểm thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản, Nguyễn Văn V đã trên 18 tuổi, đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do Nguyễn Văn V thực hiện hành vi phạm tội vào thời điểm trước 00 giờ ngày 01 tháng 01 năm 2018 nên hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, V đã bỏ trốn. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và truy nã đối với V theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Đến ngày 22/01/2023 V về đầu thú và cơ quan tố tụng phục hồi điều tra vụ án.

Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khoá 14. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành. Theo đó, những quy định có lợi cho người thực hiện hành vi phạm tội xảy ra trước 00 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 được áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 để giải quyết. Xét thấy, tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ Luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) so với quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự có khung hình phạt tương đương nhau. Tuy nhiên, có một số quy định về quyết định hình phạt, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bộ Luật Hình sự năm 2015 có lợi cho bị cáo so với Bộ Luật hình sự năm 1999. Do đó, xét thấy quy định của Bộ Luật Hình sự năm 2015 có lợi cho hành vi phạm tội của bị cáo nên áp dụng Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội “Trộm cắp tài sản” và các quy định khác có liên quan để giải quyết đối với hành vi phạm tội của Nguyễn Văn V.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An truy tố bị cáo với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện: Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm tài sản thuộc quyền quản lý, sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất an ninh trật tự địa phương. Do đó, hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” của bị cáo cần phải được xử phạt theo quy định của pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung trên cơ sở xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự.

[7] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, xét thấy bị cáo đã tác động em của bị cáo là anh Nguyễn Văn P2 bồi hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Lê Văn D1 số tiền 5.000.000 đồng; tác động anh Nguyễn Văn Q bồi thường số vệt bị mất trong thời gian bị cáo giữ vệt thuê cho bà Cao Thị P và ông Lê Thanh P1 số tiền 25.000.000 đồng. Đồng thời, xét thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, trình độ và nhận thức pháp luật hạn chế; bị cáo tự nguyện đầu thú; bị hại Lê Thanh P1, Cao Thị P có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, bị cáo được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

[8] Về nhân thân:

Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị can, bị cáo đã bỏ trốn nên bị truy nã theo Quyết định số 02/QĐ-CSĐT ngày 22/8/2016 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T và phải tạm đình chỉ điều tra vụ án, gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng. Đến ngày 22/01/2024 bị cáo mới ra đầu thú. Do đó, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo chưa tốt.

[9] Trên cơ sở phân tích những vấn đề nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đối với bị cáo Nguyễn Văn V có nhiều tình tiết giảm nhẹ, chưa có tiền án, tiền sự nhưng bị truy nã sau khi thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần phải có mức hình

phạt nghiêm minh đối với bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian để bị cáo có thời gian sửa chữa lỗi lầm, cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[10] Từ những phân tích trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng căn cứ pháp luật, về hình phạt áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[11] Về hình phạt bổ sung: theo quy định khoản 5 điều 173 BLHS, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, không có tài sản riêng; bị cáo có nghề nghiệp làm thuê, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[12] Về những vấn đề có liên quan đến vụ án:

[12.1] Đối với việc ông Lê Thanh D mua 238 con vịt (loại vịt đẻ) do Nguyễn Văn V bán, ông D không biết rõ nguồn gốc tài sản ở đâu mà Vốn có, V không nói cho ông D biết là tài sản do Vốn trộm cắp mà có. Do đó, hành vi của ông D không có dấu hiệu phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không xem xét xử lý là có cơ sở.

[12.2] Qua điều tra, ông Lê Thanh P1 và bà Cao Thị P xác định trong thời gian thuê Nguyễn Văn V chăn nuôi vịt chạy đồng, ông P1, bà P còn bị mất khoảng 1.300 con vịt nhưng không biết rõ mất như thế nào, mất vào thời gian nào và ở đâu. Qua điều tra Nguyễn Văn V khai nhận chỉ trộm cắp 238 con vịt của ông P1, bà P vào ngày 15/5/2016 và bán cho ông Lê Thanh D ngoài ra không trộm cắp vịt của ông P1, bà P lần nào khác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở để xem xét xử lý.

[13] Về vật chứng trong vụ án:

Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 238 con vịt (loại vịt đẻ), tổng trọng lượng 309,4 kg, đây là tài sản hợp pháp của bị hại Lê Thanh P1 và Cao Thị P. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản trên cho ông P1 và bà P nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[14] Về trách nhiệm dân sự:

[14.1] Bị hại Lê Thanh P1 và Cao Thị P không có ý kiến, yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên không đề cập giải quyết.

[14.2] Đối với số vịt bị mất khoảng 1.300 con nhưng không có cơ sở xác định bị cáo trộm cắp trong thời gian giữ vịt thuê cho bà Cao Thị P và ông Lê Thanh P1, bị cáo đã tác động anh Nguyễn Văn P2 bồi thường cho ông P1 và bà P số vịt bị mất trong thời gian bị cáo giữ vịt thuê số tiền 25.000.000 đồng xong. Ông P1 và bà P không yêu cầu gì khác nên không đề cập.

[14.3] Đối với số tiền ông Lê Thanh D đã trả cho bị cáo để mua 238 con vịt mà bị cáo trộm của bà P và ông P1. Bị cáo đã tác động anh Nguyễn Văn P2 trả cho ông Lê Văn D1 số tiền 5.000.000 đồng, ông D1 không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập.

[14.4] Tại phiên tòa, anh P2 không có yêu cầu gì đối với bị cáo Nguyễn Văn V về số tiền mà anh P2 đã bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cho bị hại thay cho bị cáo nên không đề cập.

[15] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 38, 50 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn V 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 22/01/2024).

3. Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn V 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (27/5/2024) để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 331, 333 Bộ Luật tố tụng hình sự;

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Công an huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Bị cáo; Bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Ánh